

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 48/2024/HS-ST
Ngày: 02 – 12 – 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK - TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Quyền;

Ông Y Mung Niê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Đạt - Thư ký tòa án nhân dân huyện Krông Búk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Thảo Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024 và ngày 02 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Ngọc L; sinh năm: 1983, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Ngọc H (đã chết), con bà Trần Thị L; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Nh và có 03 người con; tiền sự: Không;

Tiền án: Bị cáo có 03 tiền án, tại bản án số 55/2015/HSPT ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xử phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội *Cố ý gây thương tích*. Ngày 09/02/2016 chấp hành xong hình phạt;

Tại bản án số 145/2018/HSPT ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội *Cố ý gây thương tích*, ngày 30/11/2018 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

Tại bản án số 250/2020/HSPT ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội *Đánh bạc*, ngày 29/4/2023 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/9/2024 đến ngày 14/9/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 19/LCCT-TA ngày 14/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

2. Họ và tên: Phạm Tr (tên gọi khác: Phạm Văn Tr); sinh năm: 1978, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Chí T (tên gọi khác: Phạm Th, đã chết), con bà Nguyễn Thị M; có vợ là Trần Thị H và có 03 người con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 77/2005/HSST ngày 14/4/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù về tội *Cố ý gây thương tích*, đến ngày 17/01/2009 được đặc xá, trở về địa phương.

Tại bản án số 250/2020/HSPT ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội *Đánh bạc*, ngày 14/9/2021 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/9/2024 đến ngày 14/9/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 20/LCCT-TA ngày 14/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

3. Họ và tên: Trần Thị Th; sinh năm: 1978, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình Q (đã chết), con bà Lê Thị K; có chồng là Đặng Đình H (đã ly hôn), bị cáo có 03 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/9/2024 đến ngày 14/9/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 21/LCCT-TA ngày 14/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

4. Họ và tên: Nguyễn Văn T; sinh năm: 1974, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị Ch (đều đã chết); có vợ là Trần Thị D và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/9/2024 đến ngày 14/9/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 22/LCCT-TA ngày 14/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

5. Họ và tên: Nguyễn Văn S; sinh năm: 1971, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị Ch (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị G và có 4 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/ST ngày 18/4/2000 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An, đã xử phạt bị cáo 04 tháng 10 ngày tù về tội *trộm cắp tài sản của công dân*.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/9/2024 đến ngày 14/9/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 23/LCCT-TA ngày 14/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

6. Họ và tên: Nguyễn Thị Tv; sinh năm: 1976, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Cảnh Nh và bà Đậu Thị C (đều đã chết); có chồng là Đậu Văn Y và có người 4 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/9/2024 đến ngày 14/9/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 24/LCCT-TA ngày 14/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Tg.

Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 04/09/2024, Phạm Tr cùng Trần Ngọc L và Trần Thị Th đến nhà Nguyễn Văn S tại thôn P, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk chơi. Tại đây, Th rủ Tr, L và S đánh bạc dưới hình thức đánh liêng tổ, thắng thua bằng tiền Việt Nam đồng thì tất cả đồng ý. Tr đi vào nhà S lấy 01 chiếu nhựa ra trải tại nhà kho, S lấy 01 bộ bài đã qua sử dụng tại nhà của S để đánh bạc. Lúc này, Tr, L, S và Th ngồi đánh bạc dưới hình thức đánh liêng tổ, thắng thua bằng tiền được một lúc thì Nguyễn Thị Tv tới và cùng tham gia đánh bạc. S chơi đánh bạc được một lúc thì không chơi nữa vào nhà ăn cơm. Tr, L, Th và Tv tiếp tục đánh bạc được một lúc thì Tv nghỉ về trước. Lúc này, Tr, L và Th tiếp tục ngồi đánh bạc, thì Nguyễn Văn T đến cùng tham gia đánh bạc với Tr, L và Th. Khoảng một lúc sau, S và Tv quay lại tiếp tục tham gia đánh bạc với Tr, L, Th và T. Sau đó, S và Tv có việc nên nghỉ chơi về trước, còn Tr, L, T và Th tiếp tục đánh bạc đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện K phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền 6.910.000 đồng và các vật chứng liên quan đến việc đánh bạc.

Hình thức đánh bạc liêng tổ thắng thua bằng tiền các bị cáo đã quy ước, cách thức chơi như sau: Các bị cáo sử dụng một bộ bài tứ lơ khơ gồm 52 lá, trước khi chia bài, mọi người phải bỏ ra số tiền bằng nhau theo thỏa thuận (gọi là đậu tẩy), bắt đầu ván bài, mỗi người chơi sẽ được chia 3 lá bài, sau khi xem bài người chơi sẽ có lựa chọn úp bài, theo hoặc tổ thêm, sau khi mọi người đặt cược thì người có bài mang giá trị lớn nhất sẽ thắng cược và được hưởng toàn bộ số tiền đặt cược, những người còn lại sẽ mất số tiền đặt cược, các bị cáo quy ước số tiền bỏ ra đậu tẩy là 10.000 đồng, số tiền tổ không quá 50.000 đồng.

Khi tham gia đánh bạc, Phạm Tr mang theo số tiền 1.300.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang Tr đang thua 1.240.000 đồng. Trần Thị Th mang theo số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang Th đang có số tiền 3.320.000

đồng. Trần Ngọc L mang theo 1.400.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang, L đang đang có số tiền 1.600.000 đồng. Nguyễn Văn S mang theo 500.000 đồng để đánh bạc, S đã thua hết tiền và nghỉ chơi trước khi các bị cáo khác bị bắt quả tang. Nguyễn Văn T mang theo 1.600.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang T đang có số tiền 1.890.000 đồng. Nguyễn Thị Tv mang theo 110.000 đồng để đánh bạc, Tv đã thua hết số tiền này và nghỉ chơi trước khi các bị cáo khác bị bắt quả tang. Quá trình bắt quả tang, Công an huyện K đã thu giữ ở giữa chiếu bạc số tiền 40.000 đồng, đây là tiền của Phạm Tr, Trần Ngọc L, Nguyễn Văn T và Trần Thị Th đầu tẩy của ván bài tiếp theo. Tổng số tiền mà Tr, L, Th, T, S và Tv dùng để đánh bạc là 6.910.000 đồng.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K thu giữ các vật chứng:
- Thu trên chiếu bạc tổng số tiền 6.910.000 đồng.
- 01 bộ bài tú lơ khơ, loại 52 quân bài, đã qua sử dụng;
- 01 chiếu nhựa, tên Phương Hoa, màu xanh, viền vàng, bên trong có hoa văn mà trắng, kích thước 3m x 2m.

- Thu giữ của Trần Ngọc L 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL, màu đen, có 02 sim số 0343633893 và số 0365292208; thu giữ của Trần Thị Th 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu xanh, có 01 sim điện thoại số 0353872988; thu giữ của Phạm Tr 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5S, màu đen, có 01 sim điện thoại số 0337500936. Sau khi điều tra xác định, các bị cáo Phạm Tr, Trần Ngọc L và Trần Thị Th không sử dụng những chiếc điện thoại di động trên vào việc đánh bạc. Ngày 11/11/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K ra quyết định xử lý vật chứng, giao trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL, màu đen của Trần Ngọc L; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu xanh của Trần Thị Th; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5S, màu đen của Phạm Tr và các sim số kèm theo cho các bị cáo.

Tại Cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 12/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố bị cáo Trần Ngọc L về tội *Đánh bạc* theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Phạm Tr, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S, Trần Thị Th và Nguyễn Thị Tv về tội *Đánh bạc* theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đúng như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, các chứng cứ buộc tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo đã giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc L, Phạm Tr, Trần Thị Thủy, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Tv phạm tội *Đánh bạc*, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 321, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc L từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/9/2024 đến ngày 15/9/2024, thời hạn chấp hành án tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Tr (tên gọi khác: Phạm Văn Tr) từ 06 tháng đến 08 tháng tù, thời hạn chấp hành án tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Th từ 06 tháng đến 08 tháng tù, thời hạn chấp hành án tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/9/2024 đến ngày 14/9/2024, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Văn S vì bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 35, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Tv mỗi bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng Điều 35, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt các bị cáo Trần Ngọc L, Trần Thị Th mỗi bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 6.910.000 đồng.
- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ, loại 52 quân bài, đã qua sử dụng;
- 01 chiếc nhựa, tên Phương Hoa, màu xanh, viền vàng, bên trong có hoa văn mà trắng, kích thước 3m x 2m.

- Cần chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL, màu đen và 02 sim số 0343633893 và 0365292208 cho bị cáo Trần Ngọc L; trả lại 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu xanh và 01 sim điện thoại số 0353872988 cho bị cáo Trần Thị Th; trả lại 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5S, màu đen và 01 sim điện thoại số 0337500936 cho bị cáo Phạm Tr do những chiếc điện thoại di động trên không liên quan đến việc đánh bạc.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với chị Nguyễn Thị Tg (vợ bị cáo Nguyễn Văn S), chị Tg không đồng ý cho các bị cáo đánh bạc trong nhà kho nhưng bị cáo S không đồng ý nên chị Tg bỏ

đi, chỉ Tg không tham gian hay hưởng lợi từ hành vi đánh bạc của các bị cáo nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý đối với chỉ Tg là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng hơn 12 giờ 00 phút đến 18 giờ 30 phút, ngày 04/9/2024 tại nhà của bị cáo Nguyễn Văn S ở Thôn P, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo Trần Ngọc L, Phạm Tr, Trần Thị Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị Tv đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh liêng tó, thắng thua bằng tiền, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 6.910.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội *Đánh bạc*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 321 bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 50.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm tù:

.....

d) Tái phạm nguy hiểm.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội ở địa phương, các bị cáo đều có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân nên đã cố ý phạm tội. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, câu kết từ trước, không phân công cảnh giới, không thu tiền xâu. Các bị

cáo cùng nhau tham gia đánh bạc, thắng thua bằng tiền nên các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi, hậu quả chung do tội phạm gây ra. Tuy nhiên vai trò, tính chất, mức độ, hậu quả, số tiền mỗi bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là khác nhau nên cần phân hóa, đánh giá đối với hành vi đánh bạc của từng bị cáo để có căn cứ đưa ra mức hình phạt tương xứng.

Cần xem xét đến số tiền tham gia đánh bạc của từng bị cáo để phân hoá khi quyết định hình phạt, cụ thể bị cáo Tr sử dụng số tiền 1.300.000 đồng, bị cáo L sử dụng số tiền 1.400.000 đồng, bị cáo Th sử dụng số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo T sử dụng số tiền 1.600.000 đồng, bị cáo S sử dụng số tiền 500.000 đồng, bị cáo Tv sử dụng số tiền 110.000 đồng để tham gia đánh bạc.

Trong vụ án này bị cáo Trần Thị Th đã rủ bị cáo L, Tr, S đánh bạc nên có vai trò là người khởi xướng, sử dụng số tiền nhiều hơn các bị cáo khác vào việc đánh bạc, nên cần có hình phạt tương xứng là phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Trần Ngọc L tại bản án số 55/2015/HSPT ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xử phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội *Cố ý gây thương tích*. Tại bản án số 145/2018/HSPT ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội *Cố ý gây thương tích*, tại bản án số 250/2020/HSPT ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội Đánh bạc, ngày 29/4/2023 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích. Đến ngày 04/9/2024 bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc nên bị cáo phạm tội với tình tiết định khung hình phạt là *tái phạm nguy hiểm*, hành vi của bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật, không tự rèn luyện, tu dưỡng bản thân nên Cáo trạng truy tố bị cáo theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo Phạm Tr có nhân thân xấu, tại bản án số 13/2013/HSST ngày 09/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Lành 5.000.000 đồng về tội *Đánh bạc*. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 77/2005/HSST ngày 14/4/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xử phạt bị cáo Phạm Văn Tr (Phạm Tr) 05 năm 06 tháng tù về tội *Cố ý gây thương tích*. Tại bản án số 250/2020/HSPT ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội Đánh bạc, ngày 14/9/2021 chấp hành xong hình phạt tù, đều đã được xóa án tích. Mặc dù bị cáo đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn thực hiện hành vi đánh bạc. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo L, Tr mới đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn S cũng có nhân thân xấu, tại hình sự sơ thẩm số 07/ST ngày 18/4/2000 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An, đã xử phạt bị cáo 04 tháng 10 ngày tù về tội *trộm cắp tài sản của công dân* nên cũng cần cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

Các bị cáo Trần Thị Th, Nguyễn Thị Tv, Nguyễn Văn T, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo L, Tr, S, Th, Tv, T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, thể hiện ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo là phù hợp. Đối với bị cáo Th, T, Tv đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Th, T, Tv khi quyết định hình phạt là phù hợp.

[6] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo L, Tr là tương xứng với hành vi phạm tội, đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe, cải tạo đối với các bị cáo nên đề nghị áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk là phù hợp. Tuy nhiên mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo L là phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử cần xem xét khi quyết định hình phạt là phù hợp.

Đối với bị cáo Th có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cần áp dụng hình phạt tù có điều kiện để bị cáo cải tạo ngoài xã hội, dưới sự giám sát của gia đình và địa phương vẫn đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe đối với bị cáo nên cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo là phù hợp.

Đối với bị S có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo T, Tv đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo T, Tv có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo S, áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo T, Tv cũng đủ giáo dục các bị cáo và không gây nguy hiểm, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đồng thời thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta nên mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp cần chấp nhận.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo L, Th và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo S vì hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định là phù hợp.

[7] Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để chấp nhận:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 6.910.000 đồng, đây là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ, loại 52 quân bài, đã qua sử dụng; 01 chiếc nhựa, tên Phương Hoa, màu xanh, viền vàng, bên trong có hoa văn mà trắng, kích thước 3m x 2m là các công cụ các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc.

(Các vật chứng có đặc điểm, số lượng như biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 18/11/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk).

- Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL, màu đen và 02 sim số 0343633893 và 0365292208 cho bị cáo Trần Ngọc L; trả lại 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu xanh và 01 sim điện thoại số 0353872988 cho bị cáo Trần Thị Th; trả lại 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5S, màu đen và 01 sim điện thoại số 0337500936 cho bị cáo Phạm Tr do những chiếc điện thoại di động trên không liên quan đến việc đánh bạc.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Ngọc L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Trần Thị Th, Nguyễn Thị Tv phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp.

Bị cáo Phạm Tr thuộc hộ cận nghèo, thuộc trường hợp miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm nên miễn nộp án phí cho bị cáo Phạm Tr là phù hợp.

Đối với chị Nguyễn Thị Tg không đồng ý cho các bị cáo đánh bạc trong nhà kho nhưng bị cáo S không đồng ý nên chị Tg bỏ đi, chị Tg không tham gia hay hưởng lợi từ hành vi đánh bạc của các bị cáo nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý đối với chị Tg là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Ngọc L, Phạm Tr (tên gọi khác: Phạm Văn Tr), Trần Thị Thủy, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Tv phạm tội *Đánh bạc*.

Căn cứ Điểm d khoản 2 Điều 321, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc L **03** (ba) năm tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 05/9/2024 đến ngày 14/9/2024. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Tr (tên gọi khác: Phạm Văn Tr) **06** (sáu) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 05/9/2024 đến ngày 14/9/2024. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Th **08** (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (một) năm **04** (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Giao bị cáo Trần Thị Th cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 36, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S **01** (một) năm **02** (hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 05/9/2024 đến ngày 14/9/2024 (một ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Nguyễn Văn S còn phải chấp hành 01 (một) năm 01 (một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Văn S tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn S cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn S có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo.

- Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo Nguyễn Văn S.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 35, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 22.000.000 đồng, nộp vào ngân sách nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tv số tiền 20.000.000 đồng, nộp vào ngân sách nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước tổng số tiền 6.910.000 đồng các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ, loại 52 quân bài, đã qua sử dụng; 01 chiếu nhựa, tên Phương Hoa, màu xanh, viền vàng, bên trong có hoa văn màu trắng, kích thước 3m x 2m là các công cụ các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc, không còn giá trị sử dụng.

(Các vật chứng có đặc điểm, số lượng như biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 18/11/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk).

- Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL, màu đen và 02 sim số 0343633893 và 0365292208 cho bị cáo Trần Ngọc L; trả lại 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu xanh và 01 sim điện thoại số 0353872988 cho bị cáo Trần Thị Th; trả lại 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5S, màu đen và 01 sim điện thoại số 0337500936 cho bị cáo Phạm Tr vì các tài sản này không liên quan đến việc đánh bạc.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo Trần Ngọc L, Trần Thị Th, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Tv mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Tr.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo đối với phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng.
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Công an huyện K;
- Cơ quan THAHS CA. H. K;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Chi cục THA DS huyện K;
- UBND xã C, huyện K;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân